CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Nước Thủ Dầu Một

Ngày 31/03/2025	54,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.9%	**9.8%**	**13.1%**

DT thuần
Q1/25
100
tỷ VNĐ
QoQ: ▼45.0| -31.0%
YoY: ▼6.00| -5.6%

LN thuần
Q1/25
148
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 84.0| 132%
YoY: ▲ 106| 255%

LN sau thuế
Q1/25
144
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 86.4| 150%
YoY: ▲ 107| 283%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
150%
YoY: +/-▲ 104%

ROE (TTM)
Q1/25
12.8%
YoY: +/-▲ 3.9%

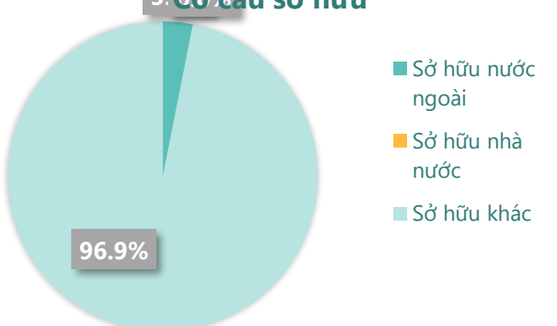
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	42,177 - 54,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,940
Số lượng CPLH (CP)	110,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	42,735
Sở hữu nước ngoài	3.1%
Beta	(0.02)
EPS	2,824
P/E	19.1

DT thuần
2024
544
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0| 2.2%

LN thuần
2024
225
tỷ VNĐ
YoY: ▼77.0| -25.4%

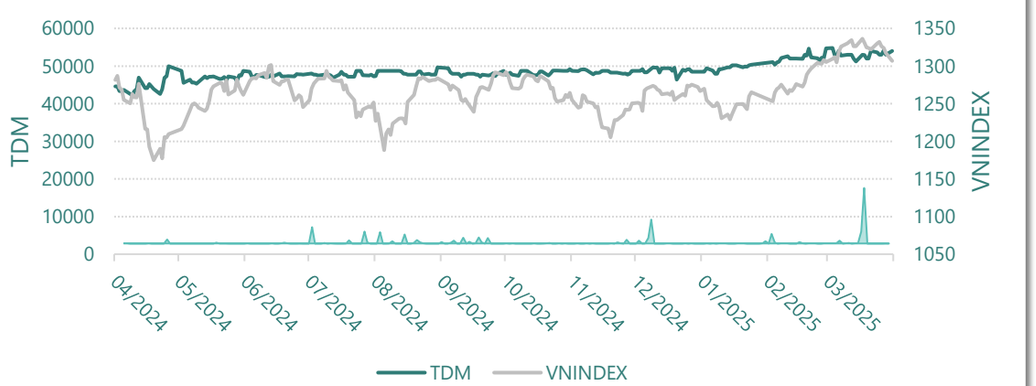
LN sau thuế
2024
204
tỷ VNĐ
YoY: ▼79.0| -27.9%

Cơ cấu sở hữu

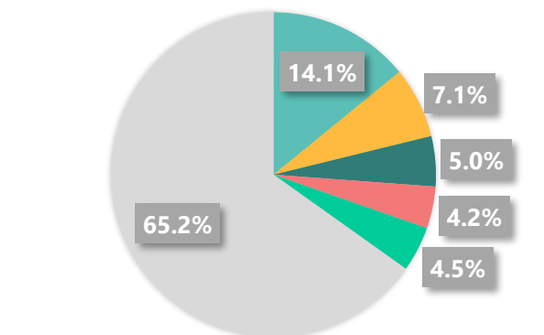


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

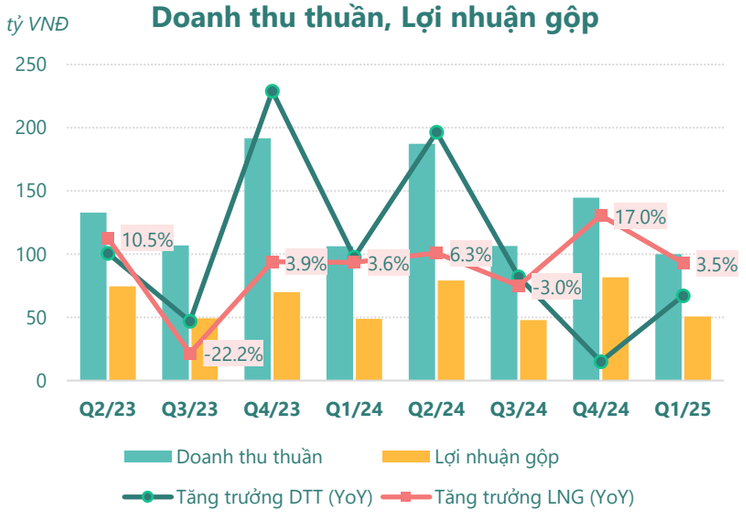


- CTCP Chứng Khoán Vietcap
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc
- Phạm Văn Chiến
- Công ty TNHH Thương mại N.T.P
- CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

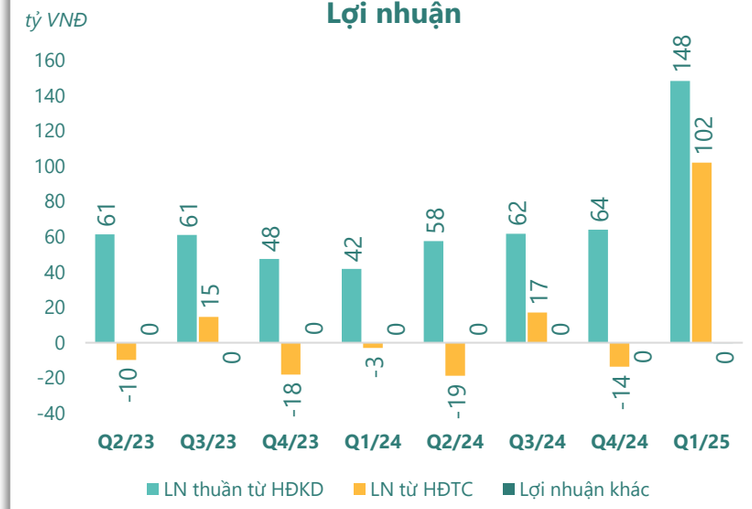
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



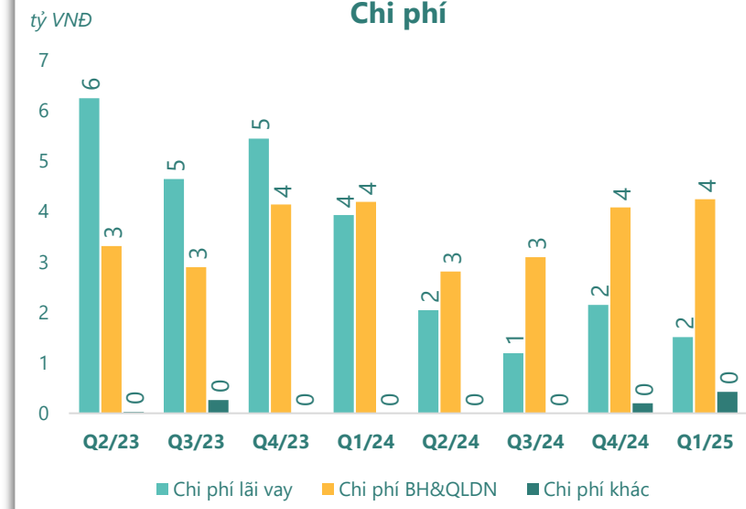
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



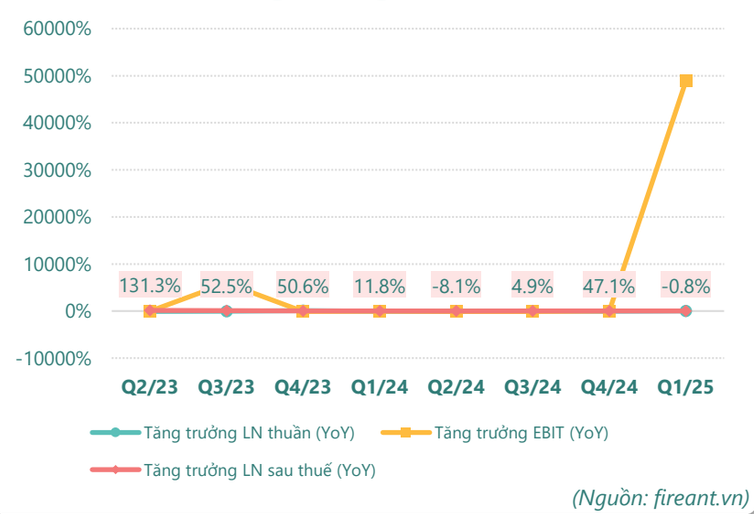
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



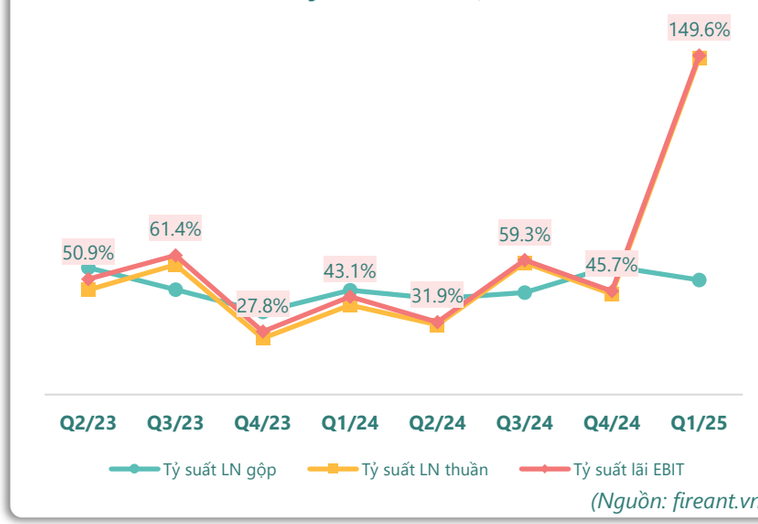
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



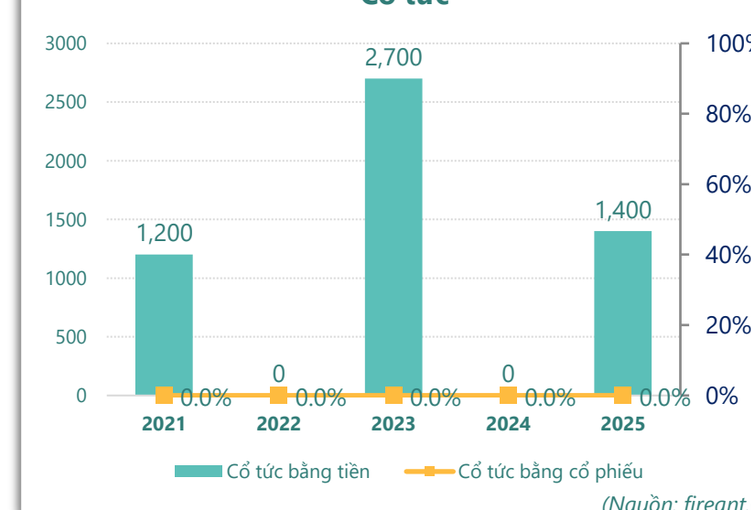
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

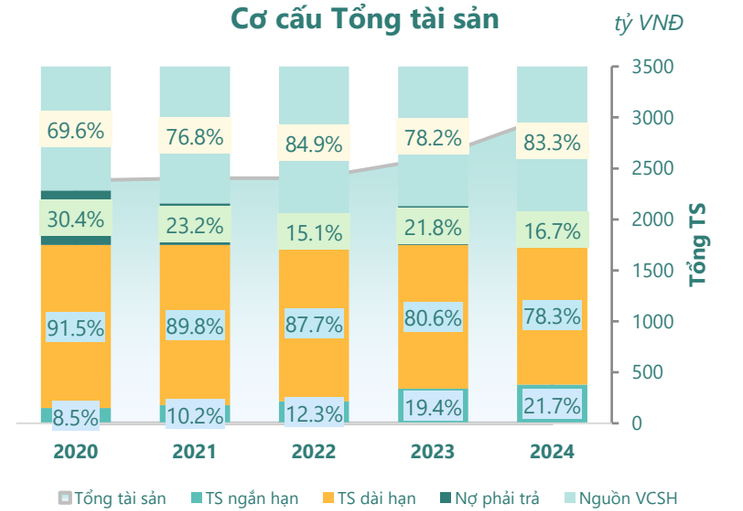
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

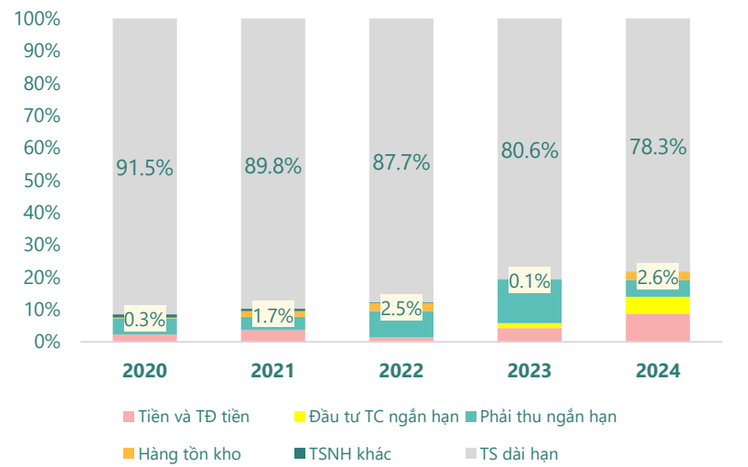
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



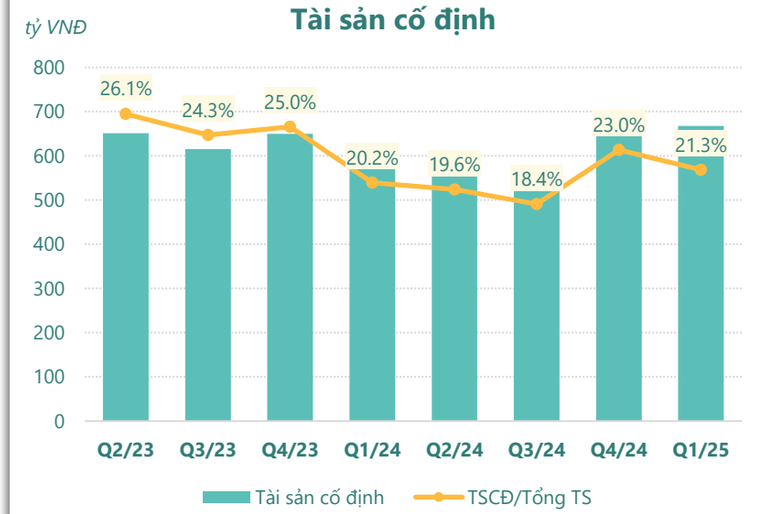
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



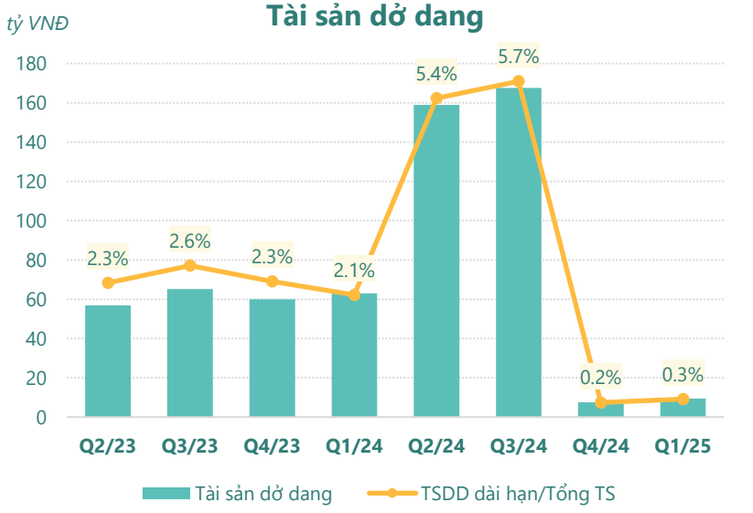
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



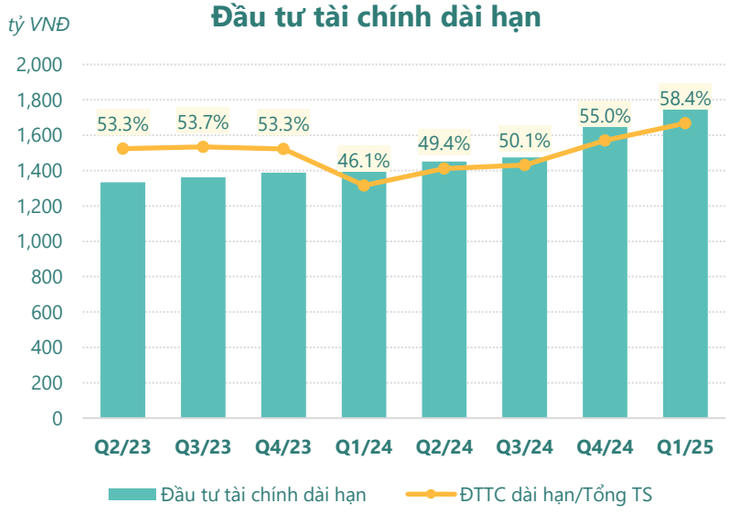
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



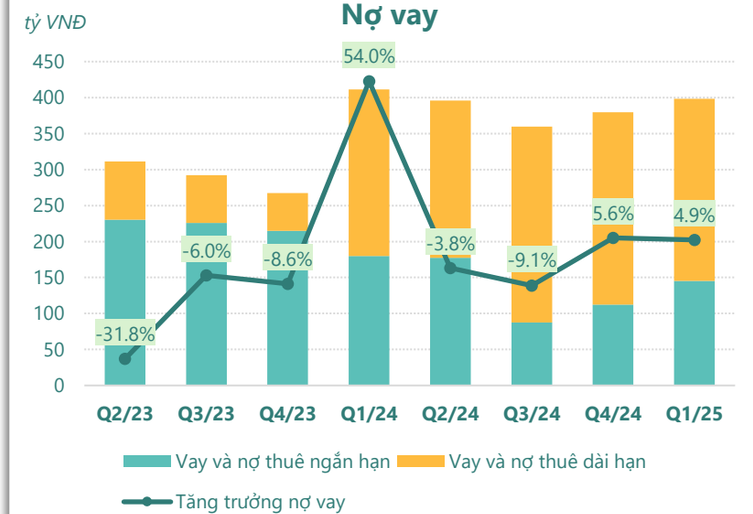
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

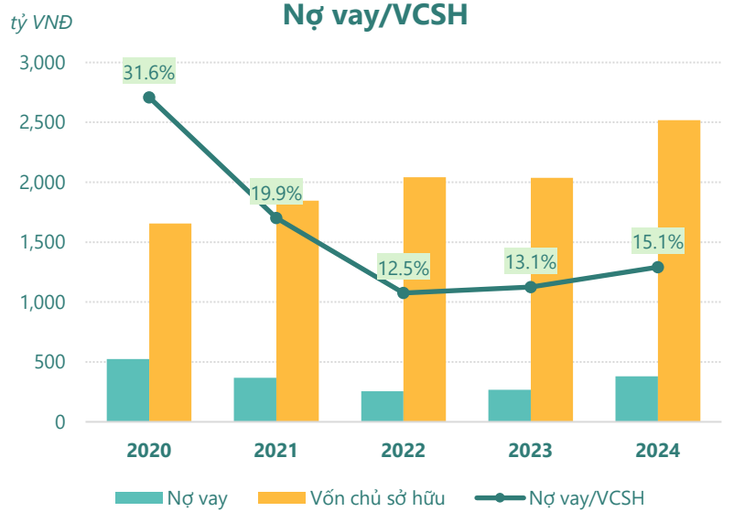
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

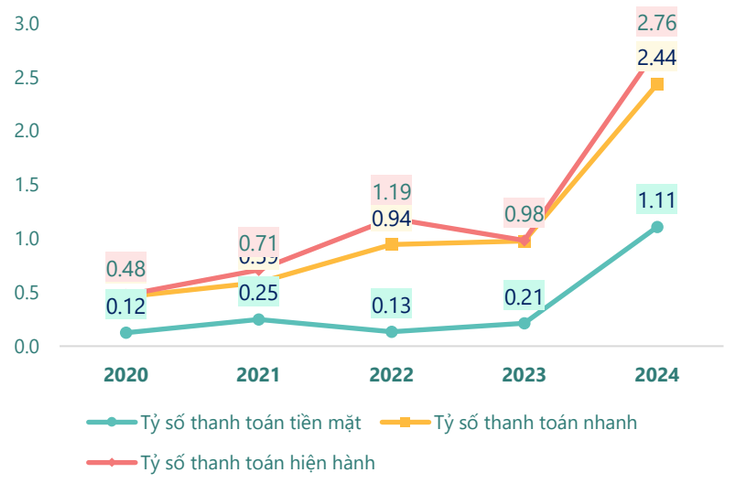
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



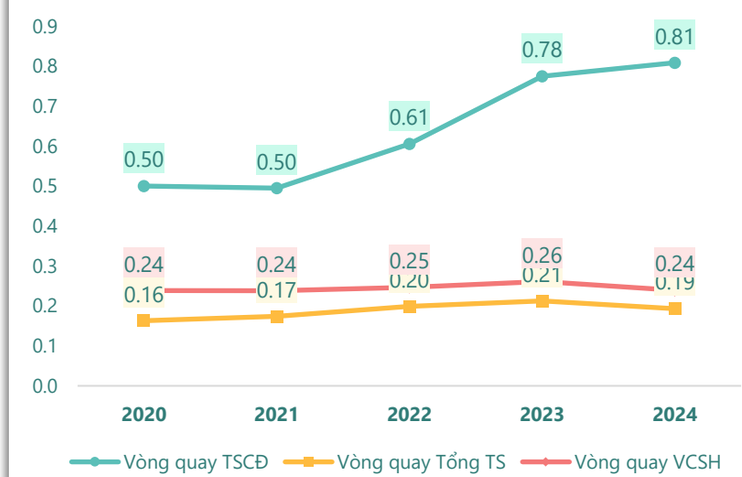
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



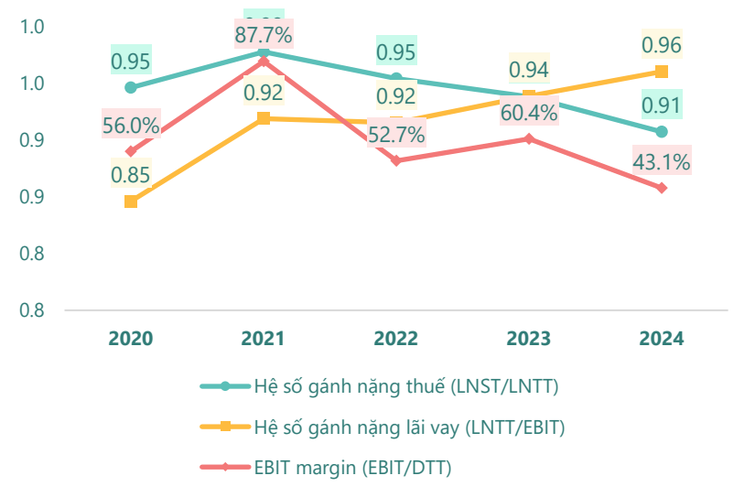
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



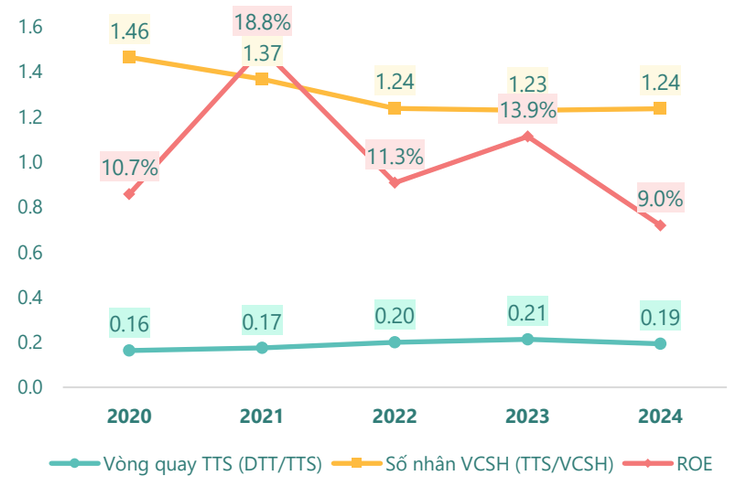
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



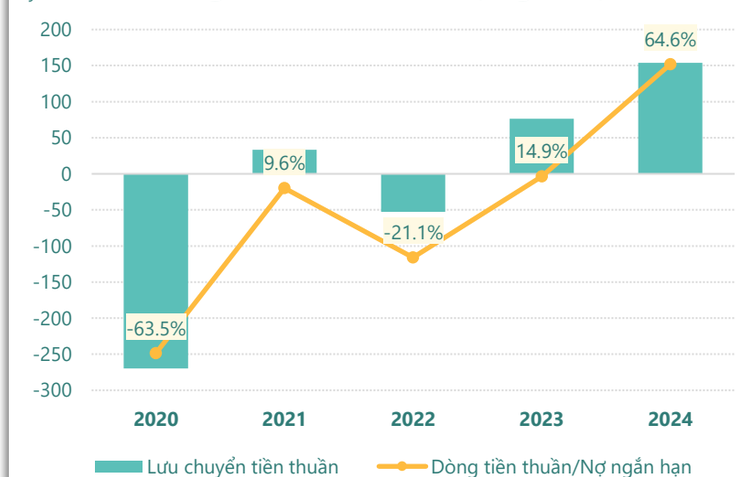
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**100**	**106**	**-5.6%**	**544**	**533**	**2.2%**
Giá vốn hàng bán	49.4	57.3	-13.7%	287	292	-1.7%
Lợi nhuận gộp	50.6	48.9	3.4%	258	241	7.0%
Doanh thu HĐTC	108	1.98	5369%	26.9	124	-78.3%
Chi phí TC	6.19	4.86	27.4%	45.1	48.5	-6.9%
Chi phí lãi vay	1.51	3.93	-61.5%	9.33	19.7	-52.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.25**	**4.20**	**1.1%**	**14.2**	**14.2**	**-0.3%**
LN thuần từ HĐKD	148	41.8	255%	225	302	-25.4%
Lợi nhuận khác	**-0.36**	**0.07**	**-612%**	**0.07**	**0.15**	**-54.9%**
LN trước thuế	148	41.9	253%	225	302	-25.4%
Lợi nhuận sau thuế	**144**	**37.5**	**283%**	**204**	**283**	**-27.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**144**	**37.5**	**283%**	**204**	**283**	**-27.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	171	-38.8	107	220	235	-66.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-111	-3.25	-99.0	-212	-318	-134
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-25.2	444	-164	-36.1	19.4	17.2
Tiền đầu kỳ	75.2	110	512	355	327	264
Lưu chuyển tiền thuần	**34.8**	**402**	**-156**	**-28.1**	**-63.4**	**-183**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	110	512	355	327	264	80.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,133**	**3,024**	**3.6%**
Tài sản ngắn hạn	626	657	-4.7%
Tiền và tương đương tiền	80.8	264	-69.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	113	157	-28.2%
Phải thu ngắn hạn	305	156	94.7%
Hàng tồn kho	124	77.3	60.2%
Tài sản ngắn hạn khác	4.50	2.93	53.9%
Tài sản dài hạn	**2,507**	**2,366**	**5.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	668	696	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.53	7.48	27.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,829	1,662	10.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.33**	**0.48**	**-32.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	641	505	26.9%
Nợ ngắn hạn	**388**	**238**	**63.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	145	112	29.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.80	6.57	33.8%
Nợ dài hạn	253	267	-5.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	253	267	-5.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,492**	**2,518**	**-1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**2,492**	**2,518**	**-1.1%**
Vốn điều lệ	1,100	1,100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)